

Ea Súp, ngày 27 tháng 03 năm 2026

Chuyển đổi số năm 2026

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 về việc sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về
đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 02/KH-BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về việc phê duyệt Kế hoạch thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 01-KH/BCĐ ngày 11/7/2025 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk về “triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh”;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 02-KH/BCĐ ngày 06/11/2025 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk về “tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 07-KH/BCĐ ngày 25/6/2025 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk về “thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy tỉnh Đắk Lắk”;

Căn cứ Quyết định số 02239/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của UBND tỉnh về phê duyệt Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk - Lấy phát triển dữ liệu số làm trọng tâm giai đoạn 2025-2030;

Căn cứ Kế hoạch số 42/KH-SGDĐT ngày 18/03/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk về chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2026.

Trường THPT Ea Súp xây dựng kế hoạch triển khai chuyển đổi số năm 2026 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong mọi hoạt động của nhà trường bao gồm quản lý, quản trị, dạy học và các dịch vụ giáo dục.

Xây dựng môi trường giáo dục số hiện đại, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho nhất cho đối tượng thụ hưởng giáo dục.

Nâng cao chất lượng quản lý, quản trị nhà trường và hiệu quả giảng dạy, phục vụ người học thông qua ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

2. Mục tiêu cụ thể năm 2026

- 100% các Tổ chuyên môn, Văn phòng, Đoàn thể ứng dụng công nghệ số trong quản lý, quản trị, điều hành và dạy học.

- 100% các lớp, học sinh sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt (chi trả chế độ người học không dùng tiền mặt, dịch vụ giáo dục; chi trả qua ngân hàng BIDV)

- Hoàn thiện học bạ số, văn bằng số kết nối quốc gia.

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bồi dưỡng kỹ năng số; tự học để ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào công việc đạt tối thiểu 90%.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Duy trì và kiện toàn Tổ chỉ đạo chuyển đổi số của nhà trường

Tiếp tục kiện toàn Tổ ban/ tổ chỉ đạo chuyển đổi số bảo đảm đầy đủ thành phần theo quy định, gồm: Hiệu trưởng (Tổ trưởng), các Phó Hiệu trưởng (Phó Tổ trưởng), tổ trưởng chuyên môn, cán bộ phụ trách CNTT và các bộ phận liên quan.

Phân công rõ trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó và từng thành viên gắn với các lĩnh vực: quản lý, điều hành, dạy học, phát triển dữ liệu số, hạ tầng kỹ thuật; bảo đảm an toàn thông tin.

Xác định rõ đầu mối tham mưu, giúp việc cho Tổ chỉ đạo chịu trách nhiệm tổng hợp, theo dõi, đôn đốc và báo cáo kết quả thực hiện.

2. Tăng cường chỉ đạo, điều hành trên môi trường số

Triển khai sử dụng hiệu quả các nền tảng số trong công tác quản lý, điều hành của nhà trường như: hệ thống quản lý văn bản và điều hành (iOffice hoặc tương đương), chữ ký số, thư điện tử công vụ, họp trực tuyến (Zoom, Google Meet...).

Thực hiện tiếp nhận xử lý điều hành công việc (văn bản đi và đến) trên môi trường mạng (trừ văn bản mật), đảm bảo kịp thời, chính xác, hạn chế sử dụng văn bản giấy.

Tăng cường tổ chức họp trực tuyến, họp không giấy tờ; sử dụng tài liệu điện tử trong các cuộc họp, hội nghị của nhà trường.

Xây dựng và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu của nhà trường (dữ liệu học sinh, giáo viên, kết quả học tập, tài sản...), phục vụ công tác quản lý, điều hành.

Triển khai phương thức quản lý, điều hành dựa trên dữ liệu; sử dụng các báo cáo số, thống kê, phân tích dữ liệu để hỗ trợ ra quyết định của Ban Giám hiệu.

3. Kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ

Xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát việc triển khai chuyển đổi số theo định kỳ (học kỳ, năm học) và kiểm tra đột xuất khi cần thiết.

Tổ chức kiểm tra việc ứng dụng công nghệ số trong các hoạt động: quản lý, dạy học, sử dụng hồ sơ điện tử, học bạ số, thanh toán không dùng tiền mặt và khai thác các hệ thống thông tin của nhà trường.

Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với các tổ chuyên môn, bộ phận và cá nhân cán bộ, giáo viên; gắn với các tiêu chí cụ thể như: mức độ ứng dụng CNTT trong dạy học, khai thác học liệu số, sử dụng phần mềm quản lý, đảm bảo an toàn thông tin.

Thực hiện đánh giá, xếp loại định kỳ theo các tiêu chí đã ban hành; công khai kết quả trong nhà trường để tạo động lực thi đua, nâng cao hiệu quả thực hiện.

4. Thể chế, chính sách số

4.1. Hoàn thiện hành lang pháp lý về chuyển đổi số trong nhà trường.

Rà soát các quy chế, quy định nội bộ liên quan đến ứng dụng CNTT và chuyển đổi số; kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới để phù hợp với yêu cầu thực tiễn và các văn bản chỉ đạo của cấp trên.

Quy định rõ trách nhiệm của các tổ chuyên môn, bộ phận và cá nhân trong việc cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu số; đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và kịp thời.

Tổ chức phổ biến, quán triệt các văn bản quy định về chuyển đổi số, an toàn thông tin đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

Thực hiện nghiêm các quy định của Bộ GDĐT, Sở GDĐT Đắk Lắk về chuyển đổi số, đảm bảo triển khai thống nhất, hiệu quả.

4.2. Quy định quản lý, khai thác dữ liệu số

Ban hành quy định về quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng dữ liệu số, trong đó tập trung vào các hệ thống: học bạ số, sổ điểm điện tử, hồ sơ học sinh, văn bằng, chứng chỉ theo quy định của ngành.

Quy định cụ thể quy trình cập nhật, kiểm tra, phê duyệt và lưu trữ dữ liệu; đảm bảo dữ liệu được nhập đầy đủ, chính xác, kịp thời và thống nhất trên các hệ thống.

Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu cá nhân; không cung cấp, chia sẻ dữ liệu khi chưa được phép của người có thẩm quyền.

Tổ chức kiểm tra, giám sát việc khai thác, sử dụng dữ liệu; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định.

4.3. Chính sách ứng dụng công nghệ mới

Ban hành hướng dẫn ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và các công nghệ số mới, tập trung vào các lĩnh vực: hỗ trợ soạn giảng, xây dựng học liệu số, kiểm tra đánh giá, phân tích kết quả học tập của học sinh và hỗ trợ công tác quản lý.

Xây dựng quy định về đạo đức trong sử dụng công nghệ số và AI trong nhà trường; hướng dẫn giáo viên, học sinh sử dụng đúng mục đích, không lạm dụng, không vi phạm bản quyền.

Đảm bảo việc ứng dụng công nghệ mới tuân thủ các quy định về an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu cá nhân của cán bộ, giáo viên, học sinh; không sử dụng các nền tảng, ứng dụng không rõ nguồn gốc hoặc tiềm ẩn rủi ro.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc ứng dụng công nghệ mới trong nhà trường; kịp thời chấn chỉnh, xử lý các trường hợp sử dụng không đúng quy định.

5. Hạ tầng số

5.1. Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin của nhà trường

Rà soát, đánh giá hiện trạng hạ tầng CNTT (đường truyền internet, hệ thống mạng nội bộ, thiết bị máy tính, máy chủ...).

Từng bước nâng cấp đường truyền internet đảm bảo tốc độ, ổn định phục vụ dạy học, quản lý và khai thác các hệ thống số.

Bố trí, nâng cấp hệ thống thiết bị lưu trữ dữ liệu, máy tính phục vụ công tác quản lý, văn phòng và dạy học.

Đảm bảo an toàn, an ninh mạng; cài đặt phần mềm diệt virus, sao lưu dữ liệu định kỳ, phòng chống mất mát dữ liệu.

5.2. Phát triển hạ tầng số tại nhà trường

Trang bị, mở rộng hệ thống Wifi phủ sóng toàn bộ khuôn viên trường, ưu tiên các phòng học, phòng chức năng, phòng làm việc của giáo viên.

Từng bước đầu tư thiết bị dạy học số: tivi thông minh, bảng tương tác (nếu có điều kiện), máy tính phục vụ dạy học và kiểm tra đánh giá.

Khuyến khích giáo viên sử dụng thiết bị cá nhân kết hợp với hạ tầng của nhà trường để triển khai dạy học số, dạy học trực tuyến và kết hợp (blended learning).

Xây dựng, từng bước hoàn thiện phòng học có ứng dụng công nghệ (phòng học đa năng, phòng học thông minh) phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

5.3. Chuẩn hóa, đồng bộ hạ tầng kết nối dữ liệu

Sử dụng thống nhất các phần mềm, hệ thống thông tin theo chỉ đạo của Sở GDĐT để đảm bảo đồng bộ dữ liệu.

Đảm bảo kết nối thông suốt giữa các hệ thống quản lý của nhà trường với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục theo quy định.

Thực hiện cập nhật, đồng bộ dữ liệu đầy đủ, kịp thời, chính xác phục vụ công tác quản lý, báo cáo và khai thác sử dụng.

Phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ và cấp trên để đảm bảo hạ tầng kết nối ổn định, an toàn, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

6. Dữ liệu số

6.1. Xây dựng cơ sở dữ liệu của nhà trường

Tổ chức quản lý, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu trên các hệ thống do ngành triển khai (CSDL ngành, VTSMAS, ...).

Thu thập, cập nhật đầy đủ, kịp thời dữ liệu về học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý, cơ sở vật chất, kết quả học tập và các hoạt động giáo dục.

Phân công cụ thể trách nhiệm cập nhật dữ liệu cho từng bộ phận, cá nhân; đảm bảo dữ liệu thống nhất, đồng bộ.

6.2. Chuẩn hóa và số hóa dữ liệu

Thực hiện chuẩn hóa dữ liệu theo quy định của Bộ GDĐT và Sở GDĐT Đắk Lắk.

Đảm bảo dữ liệu theo nguyên tắc “đúng - đủ - sạch - sống”, được cập nhật thường xuyên, phục vụ hiệu quả công tác quản lý và dạy học.

6.3. Kết nối, chia sẻ dữ liệu

Thực hiện kết nối, đồng bộ dữ liệu của nhà trường với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục theo quy định.

Khai thác hiệu quả dữ liệu phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, thống kê, báo cáo và cung cấp thông tin cho phụ huynh, học sinh.

Đảm bảo việc chia sẻ dữ liệu đúng quy định, an toàn, bảo mật.

7. Nhân lực số

7.1. Nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ, giáo viên

Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho 100% cán bộ quản lý, giáo viên: sử dụng phần mềm quản lý, dạy học trực tuyến, khai thác học liệu số, ứng dụng AI trong dạy học.

Khuyến khích giáo viên tự học, tự bồi dưỡng, nâng cao năng lực ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong chuyên môn.

7.2. Phát triển đội ngũ nòng cốt chuyển đổi số

Lựa chọn đội ngũ giáo viên, cán bộ có năng lực CNTT làm lực lượng nòng cốt về chuyển đổi số của nhà trường.

Tổ chức tập huấn chuyên sâu về quản trị hệ thống, dữ liệu số, an toàn thông tin, ứng dụng AI cho đội ngũ này.

Phát huy vai trò hỗ trợ, hướng dẫn đồng nghiệp trong quá trình triển khai.

8. An toàn thông tin

8.1. Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin

Rà soát, đánh giá mức độ an toàn thông tin của các hệ thống CNTT trong nhà trường.

Triển khai các biện pháp bảo mật: cài đặt phần mềm diệt virus, quản lý tài khoản, mật khẩu, phân quyền truy cập hệ thống.

Phối hợp với đơn vị chuyên môn để kịp thời phát hiện, xử lý các nguy cơ mất an toàn thông tin.

8.2. Sao lưu, bảo vệ dữ liệu

Thực hiện sao lưu dữ liệu định kỳ (tuần/tháng) đối với các hệ thống quan trọng.

Xây dựng phương án khôi phục dữ liệu khi xảy ra sự cố.

Bảo đảm an toàn dữ liệu cá nhân của học sinh, giáo viên và cán bộ theo quy định.

8.3. Tuyên truyền, giáo dục an toàn thông tin

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về an toàn thông tin, an ninh mạng cho cán bộ, giáo viên và học sinh.

Lồng ghép nội dung giáo dục kỹ năng số, kỹ năng sử dụng internet an toàn trong các hoạt động giáo dục của nhà trường (sinh hoạt lớp, hoạt động trải nghiệm...).

9. Gắn chuyển đổi số với thi đua, khen thưởng

- Đưa tiêu chí chuyển đổi số vào tiêu chí thi đua, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân.

- Biểu dương, khen thưởng kịp thời các đơn vị, cá nhân triển khai hiệu quả, có sáng kiến, mô hình hay trong chuyển đổi số.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chỉ đạo chuyển đổi số của nhà trường là đầu mối tham mưu, giúp Hiệu trưởng chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện kế hoạch; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả.

2. Các tổ chuyên môn, bộ phận trong nhà trường căn cứ kế hoạch này phân công nhiệm vụ các cá nhân, xây dựng giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện.

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo chức năng nhiệm vụ chủ động triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi để đạt hiệu quả.

4. Bộ phận phụ trách CNTT: tham mưu, hỗ trợ kỹ thuật; quản trị các hệ thống thông tin, đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, an toàn, an ninh mạng; hướng dẫn cán bộ, giáo viên trong quá trình sử dụng các nền tảng số.

5. Kiểm tra báo cáo: Định kỳ hàng tháng, cuối kỳ rà soát báo cáo kết quả về nhà trường và Sở Giáo dục và Đào tạo đúng quy định

Trên đây là kế hoạch chuyển đổi số năm 2026, đề nghị các các Tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo trường (ch/đ)
- TTCM, VP, ĐT (th/h);
- Giáo viên, nhân viên (th/h)
- Lưu VT;
- Website: <https://c3easup.daklak.edu.vn/>

HIỆU TRƯỞNG

Lê Quang Trường

